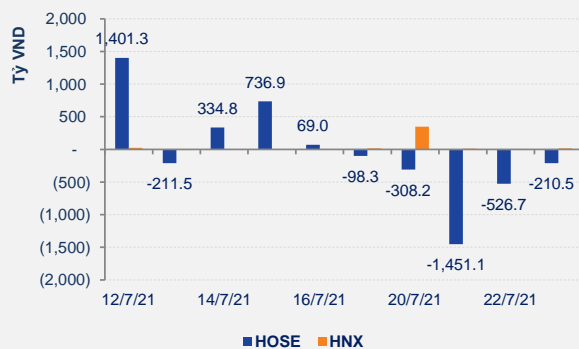


WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 19/7/2021 - 23/7/2021

| Index Tuần | HOSE | +/- | HNX | +/- |
|---------------------------------|-------------|--------|-------------|--------|
| Thống kê thị trường | | | | |
| Index | 1,268.83 ↓ | -2.3% | 301.77 ↓ | -1.9% |
| KLGD (trCP) | 2,857.87 ↓ | -4.0% | 497.96 ↓ | -22.1% |
| GTGD (tỷ VND) | 91,539.93 ↓ | -5.2% | 11,199.75 ↓ | -18.9% |
| Tổng cung (trCP) | 6,200.31 ↓ | -1.9% | 835.02 ↓ | -1.3% |
| Tổng cầu (trCP) | 6,614.28 ↑ | 0.4% | 638.48 ↓ | -19.2% |
| Giao dịch NĐT nước ngoài | | | | |
| KL mua (trCP) | 162.41 ↓ | -37.5% | 13.68 ↑ | 77.8% |
| KL bán (trCP) | 197.99 ↑ | 4.6% | 2.60 ↓ | -63.4% |
| GT mua (tỷ VND) | 7,258.38 ↓ | -36.6% | 465.28 ↑ | 255.5% |
| GT bán (tỷ VND) | 9,853.27 ↑ | 8.1% | 69.30 ↓ | -43.7% |

Biến động giá Ngành theo Tuần

Giá trị giao dịch mua ròng của NĐT nước ngoài

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm điểm trong tuần thứ ba liên tiếp với thanh khoản tiếp tục suy giảm. Cụ thể, kết thúc tuần giao dịch, VN-Index giảm 30,48 điểm (-2,3%) xuống 1.268,83 điểm; HNX-Index giảm 5,99 điểm (-1,9%) xuống 301,77 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với tuần trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 tuần với trung bình khoảng 20.500 tỷ đồng giao dịch mỗi phiên trên hai sàn. Giá trị giao dịch trên HOSE giảm 5,2% xuống 91.540 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm -4% xuống 2.858 triệu cổ phiếu; giá trị giao dịch trên HNX giảm 18,9% xuống 11.200 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch giảm 22,1% xuống 498 triệu cổ phiếu. Thị trường điều chỉnh khiến cho gần như toàn bộ các nhóm ngành cổ phiếu đều có sự sụt giảm. Nhóm cổ phiếu ngân hàng giảm mạnh nhất với 4,8% giá trị vốn hóa, với các cổ phiếu như VCB (-5,4%), BID (-5,4%), CTG (-6,2%), VPB (-9,3%), TCB (-4,1%), MBB (-4,6%), ACB (-1,8%), SHB (-6%)... Tiếp theo là nhóm cổ phiếu dầu khí với mức giảm 3,3% giá trị vốn hóa, với các mã tiêu biểu trong ngành như PLX (-1,8%), BSR (-3,9%), OIL (-4%), PVD (-10,2%), PVS (-6,5%), PVC (-6,5%)... Nhóm cổ phiếu dịch vụ tiêu dùng giảm 2,5% giá trị vốn hóa, với các mã trụ cột như HVN (-3,9%), VJC (-1,7%), ACV (-3,9%), MWG (-3,8%)... Các nhóm còn lại đều giảm như tiện ích cộng đồng (-1,7%), tài chính (-1,3%), nguyên vật liệu (-0,8%), hàng tiêu dùng (-0,6%). Ở chiều ngược lại, nhóm công nghệ thông tin tăng mạnh nhất với 3,4% giá trị vốn hóa với các mã như FPT (+4,3%), CMG (+0,8%)... Nhóm công nghiệp (+0,5%), dược phẩm và y tế (+0,2%) tăng nhẹ.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index (-2,3%) giảm điểm trong tuần thứ hai liên tiếp với thanh khoản suy giảm so với tuần trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 tuần cho thấy áp lực bán ra trong tuần qua tiếp tục suy giảm. Khối ngoại bán ròng với khoảng 2.200 tỷ đồng trên hai sàn càng làm cho giao dịch trở nên tiêu cực hơn. Trên góc nhìn kỹ thuật, với việc kết tuần trên ngưỡng hỗ trợ 1.260 điểm thì VN-Index vẫn còn khả năng hồi phục trong tuần tiếp theo để hướng đến vùng quanh 1.300 điểm. Tuy nhiên, khả năng thị trường rung lắc trong phiên đầu tuần là có thể xảy ra. Theo đó, trong tuần giao dịch tiếp theo 27/7-31/7, thị trường có khả năng sẽ hồi phục trở lại với target là vùng kháng cự trong khoảng 1.300-1.325 điểm. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình trong phiên 19/7 khi thị trường điều chỉnh về quanh ngưỡng 1.260 điểm nên quan sát thị trường trong tuần tới và có thể canh chốt lời dần nếu VN-Index tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.300-1.325 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu lên mức cao nếu VN-Index có nhịp điều chỉnh về quanh ngưỡng 1.210 điểm.

WEEKLY WRAP

Tuần GD từ: 19/7/2021 - 23/7/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm trong tuần thứ ba liên tiếp với ba phiên giảm điểm và hai phiên hồi phục vào thứ 3 và thứ 5. Mức cao nhất và mức thấp nhất trong phiên lần lượt tại 1.295,63 điểm và 1.225,52 điểm. Kết tuần, VN-Index giảm 30,48 điểm (-2,3%) xuống 1.268,83 điểm.

PTL là cổ phiếu tăng giá mạnh nhất tuần với mức tăng 25% từ 4.390 đồng lên 5.500 đồng, tiếp theo là ILB với mức tăng 18% từ 24.700 đồng lên 29.200 đồng. Ở chiều ngược lại, SGT là cổ phiếu giảm mạnh nhất tuần với mức giảm 20,5% từ 22.900 đồng xuống 18.200 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index điều chỉnh trong tuần qua với ba phiên giảm điểm hai phiên hồi phục vào thứ 3 và thứ 5. Mức cao nhất và thấp nhất trong tuần lần lượt tại 307,74 điểm và 288,79 điểm. Kết tuần, HNX-Index giảm 5,99 điểm (-1,9%) xuống 301,77 điểm.

VC9 là cổ phiếu tăng giá ấn tượng nhất tuần với mức tăng 32% từ 6.800 đồng lên 9.000 đồng, tiếp theo là HEV với mức tăng 32% từ 11.200 đồng lên 14.800 đồng. Ở chiều ngược lại, BTW là cổ phiếu có mức giảm mạnh nhất tuần với 22,5% từ 41.800 đồng xuống 32.400 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 2.594,89 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 35,58 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, mã bị bán ròng nhiều nhất là VIC với 18,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là KDH với 11,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã được mua ròng nhiều nhất với 5,2 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 395,98 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11,8 triệu cổ phiếu. Xét theo khối lượng ròng, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DVS với 811 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 149 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Chính phủ đặt mục tiêu GDP giai đoạn 2021-2025 tăng 6,5-7%

5 trên 21 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu được Quốc hội giao ở đầu nhiệm kỳ không đạt, trong đó có tốc độ bình quân của cả giai đoạn thấp hơn 0,6 điểm phần trăm so với mục tiêu 6,8%. Báo cáo kinh tế - xã hội giai đoạn tới đề ra 23 chỉ tiêu, tăng 2 chỉ tiêu so với giai đoạn vừa qua.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index giảm điểm trong tuần thứ ba liên tiếp và chỉ số hiện kết phiên ở trên ngưỡng hỗ trợ quanh 1.260 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng tăng 5). Khối lượng khớp lệnh suy giảm so với tuần trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 tuần cho thấy áp lực bán ra đã có sự suy giảm.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliott với việc sóng tăng 5 (từ 1.000 điểm lên 1.420 điểm) đã kết thúc khi đạt đến độ dài của sóng tăng 3 (từ 780 điểm lên 1.200 điểm) với mức tăng cùng là 420 điểm.

Và với việc thị trường giảm mạnh trong phiên 6/7 qua đó xuyên thủng hỗ trợ ngắn hạn quanh MA20 ngày với thanh khoản cao hơn trung bình 20 phiên thì thị trường đã xác nhận bước sang sóng điều chỉnh a với target của sóng a quanh ngưỡng 1.210 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Thực tế là VN-Index đã chạm đến ngưỡng 1.225 điểm trong phiên 20/7 rồi hồi phục từ đây.

Với việc kết tuần trên ngưỡng 1.260 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng tăng 5) thì có thể tạm coi sóng điều chỉnh a đã kết thúc và hiện tại đang là sóng hồi b với target đợt này trong khoảng 1.300-1.325 điểm (fibonacci retracement 31,8%-50% sóng điều chỉnh a).

Tuy nhiên, nếu VN-Index có nhịp giảm mạnh, xuyên thủng đáy ngắn hạn trước đó quanh 1.225 điểm thì khả năng chỉ số này vẫn ở sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết gần nhất quanh 1.210 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5).

Theo đó, trong tuần giao dịch tiếp theo 27/7-31/7, thị trường có khả năng sẽ hồi phục trở lại với target là vùng kháng cự trong khoảng 1.300-1.325 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất quanh 1.260 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng tăng 5) và ngưỡng kháng cự kỹ thuật tiềm ẩn gần nhất quanh 1.300 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm

Tại thời điểm 16 giờ, vàng SJC tại DOJI được niêm yết ở mức 56,8 - 57,5 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra), giảm 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.

Tỷ giá trung tâm giảm 6 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 23/7 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.209 VND/USD, giảm 6 đồng so với ngày hôm qua.

TIN THẾ GIỚI

Giá vàng thế giới giảm

Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 2,65 USD/ounce tương ứng với 0,15% xuống 1.802,85 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,135 điểm tương ứng 0,15% lên 92,970 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1763 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3728 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 110,48 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,03 USD/thùng tương ứng với 0,04% lên mức 71,94 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ tăng điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày 22/7, chỉ số Dow Jones tăng 25,35 điểm tương ứng 0,07% lên 34.823,35 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 52,64 điểm tương ứng 0,36% lên 14.684,6 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 8,79 điểm tương ứng 0,2% lên 4.367,48 điểm.

HOSE
Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|---------|-------------|----------|--------------|
| 1 | STB | 5,220,600 | VIC | (18,264,018) |
| 2 | DXG | 4,255,000 | KDH | (11,539,000) |
| 3 | GEX | 3,479,200 | MSB | (8,064,100) |
| 4 | VNM | 3,426,000 | CTG | (5,603,700) |
| 5 | E1VFN30 | 2,941,900 | FUEVFNVD | (4,865,000) |

HNX

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | PVI | 9,261,500 | CEO | (149,100) |
| 2 | DXS | 811,300 | ART | (135,000) |
| 3 | BSI | 532,720 | NTP | (114,400) |
| 4 | MBS | 396,200 | PVS | (110,200) |
| 5 | VND | 279,950 | NBC | (72,700) |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| STB | 28.45 | 28.70 | ↑ 0.88% | 15,863,399 |
| HPG | 46.75 | 45.80 | ↓ -2.03% | 15,471,740 |
| TCB | 51.60 | 49.50 | ↓ -4.07% | 12,414,080 |
| FLC | 11.05 | 10.60 | ↓ -4.07% | 10,050,210 |
| CTG | 34.65 | 32.50 | ↓ -6.20% | 8,156,870 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 28.10 | 26.40 | ↓ -6.05% | 56,727,250 |
| PVS | 24.80 | 23.20 | ↓ -6.45% | 55,909,765 |
| VND | 40.90 | 41.70 | ↑ 1.96% | 37,993,018 |
| SHS | 39.90 | 38.60 | ↓ -3.26% | 30,879,481 |
| IDC | 32.30 | 33.60 | ↑ 4.02% | 27,868,438 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| PTL | 4.39 | 5.50 | 1.1 | ↑ 25.28% |
| ILB | 24.70 | 29.20 | 4.5 | ↑ 18.22% |
| TCD | 10.55 | 12.30 | 1.8 | ↑ 16.59% |
| TCO | 15.45 | 17.90 | 2.5 | ↑ 15.86% |
| LCM | 2.33 | 2.67 | 0.3 | ↑ 14.59% |

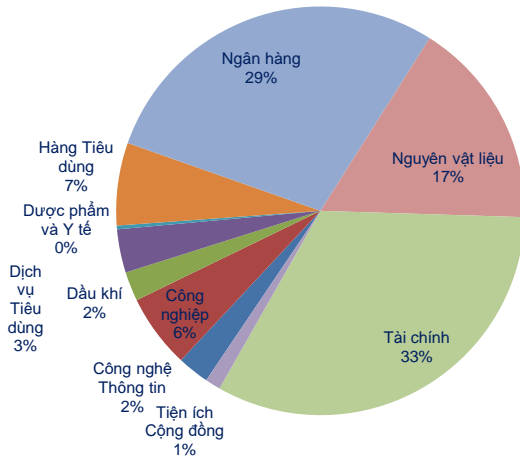
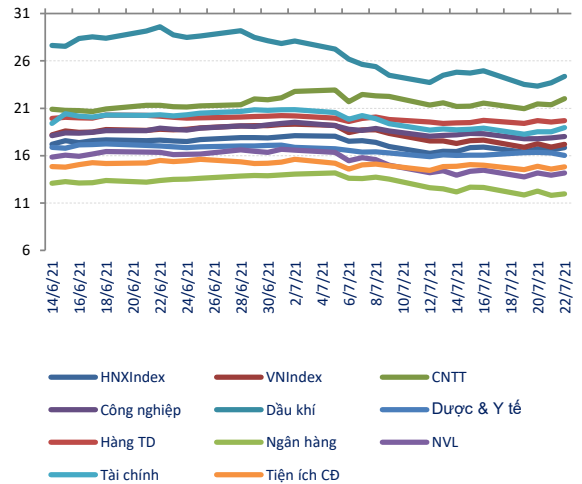
| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| VC9 | 6.80 | 9.00 | 2.2 | ↑ 32.35% |
| HEV | 11.20 | 14.80 | 3.6 | ↑ 32.14% |
| EBA | 9.60 | 12.60 | 3.0 | ↑ 31.25% |
| BED | 30.80 | 40.20 | 9.4 | ↑ 30.52% |
| QHD | 29.20 | 35.40 | 6.2 | ↑ 21.23% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong tuần

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| SGT | 22.90 | 18.20 | -4.7 | ↓ -20.52% |
| HID | 6.70 | 5.66 | -1.0 | ↓ -15.52% |
| PSH | 25.65 | 22.30 | -3.4 | ↓ -13.06% |
| EVG | 10.50 | 9.15 | -1.4 | ↓ -12.86% |
| CMV | 15.95 | 13.90 | -2.1 | ↓ -12.85% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| BTW | 41.80 | 32.40 | -9.4 | ↓ -22.49% |
| TTT | 49.70 | 40.50 | -9.2 | ↓ -18.51% |
| NBC | 13.30 | 10.90 | -2.4 | ↓ -18.05% |
| LUT | 4.30 | 3.60 | -0.7 | ↓ -16.28% |
| NAP | 11.70 | 9.90 | -1.8 | ↓ -15.38% |

(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TUẦN VÀ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
Giá trị giao dịch tuần theo Ngành

Chuỗi PE ngành và thị trường

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| STB | 15,863,399 | 9.4% | 1,495 | 18.7 | 1.8 |
| HPG | 15,471,740 | 31.1% | 4,054 | 11.6 | 2.4 |
| TCB | 12,414,080 | 21.0% | 4,613 | 11.1 | 2.1 |
| FLC | 10,050,210 | 11.2% | 1,748 | 6.3 | 0.8 |
| CTG | 8,156,870 | 20.8% | 3,689 | 9.1 | 1.4 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 56,727,250 | 14.2% | 1,785 | 15.2 | 1.9 |
| PVS | 55,909,765 | 5.2% | 1,427 | 16.8 | 0.9 |
| VND | 37,993,018 | 29.7% | 4,872 | 8.9 | 2.1 |
| SHS | 30,879,481 | 30.8% | 4,721 | 8.5 | 2.2 |
| IDC | 27,868,438 | 7.2% | 1,035 | 32.1 | 2.2 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|---------|-----|
| PTL | ↑ 25.3% | 0.0% | 1 | 5,290.0 | 0.8 |
| ILB | ↑ 18.2% | 14.9% | 2,661 | 10.3 | 1.5 |
| TCD | ↑ 16.6% | 24.3% | 3,079 | 3.7 | 0.9 |
| TCO | ↑ 15.9% | 8.9% | 1,080 | 15.5 | 1.5 |
| LCM | ↑ 14.6% | 1.7% | 157 | 16.2 | 0.3 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|--------|--------|------|-----|
| VC9 | ↑ 32.4% | -13.4% | -1,790 | - | 0.7 |
| HEV | ↑ 32.1% | 13.9% | 2,208 | 6.7 | 0.9 |
| EBA | ↑ 31.3% | 13.0% | 1,592 | 7.2 | 0.9 |
| BED | ↑ 30.5% | 15.2% | 2,052 | 19.6 | 2.9 |
| QHD | ↑ 21.2% | 23.5% | 4,324 | 7.4 | 1.8 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|---------|-----------|-------|-------|-------|-----|
| STB | 5,220,600 | 9.4% | 1,495 | 18.7 | 1.8 |
| DXG | 4,255,000 | 0.3% | 61 | 359.9 | 1.2 |
| GEX | 3,479,200 | 12.3% | 1,917 | 11.2 | 1.2 |
| VNM | 3,426,000 | 33.1% | 5,222 | 16.6 | 5.3 |
| E1VFN30 | 2,941,900 | N/A | N/A | N/A | N/A |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| PVI | 9,261,500 | 11.0% | 3,584 | 10.4 | 1.1 |
| DXS | 811,300 | 0.0% | 0 | - | 0.0 |
| BSI | 532,720 | 16.9% | 2,051 | 10.0 | 1.6 |
| MBS | 396,200 | 16.9% | 1,689 | 17.3 | 2.2 |
| VND | 279,950 | 29.7% | 4,872 | 8.9 | 2.1 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 372,000 | 22.1% | 5,708 | 17.6 | 3.7 |
| VHM | 365,136 | 31.2% | 8,023 | 13.8 | 3.9 |
| VIC | 359,214 | 5.2% | 1,969 | 53.9 | 2.6 |
| HPG | 211,122 | 31.1% | 4,054 | 11.6 | 2.4 |
| VNM | 181,408 | 33.1% | 5,222 | 16.6 | 5.3 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|------|------|
| THD | 72,030 | 51.6% | 10,779 | 19.1 | 12.7 |
| SHB | 52,375 | 14.2% | 1,785 | 15.2 | 1.9 |
| VND | 18,534 | 29.7% | 4,872 | 8.9 | 2.1 |
| VCS | 18,496 | 39.6% | 9,561 | 12.1 | 4.4 |
| BAB | 15,587 | 7.8% | 931 | 23.6 | 1.8 |



| Ngày thông báo | Ngày thực hiện | Ngày ĐKCC | Ngày GDKHQ | Mã CK | Loại sự kiện |
|----------------|----------------|-----------|------------|-----------------|--------------------------|
| 18/6/2021 | 23/7/2021 | 22/6/2021 | 21/6/2021 | DLT | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16/6/2021 | 23/7/2021 | 6/7/2021 | 5/7/2021 | CAV | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 1/7/2021 | 23/7/2021 | 6/7/2021 | 5/7/2021 | A32 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 1/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | DCI | Tạm dừng Niêm yết |
| 29/6/2021 | 23/7/2021 | 0/1/1900 | 7/7/2021 | MTH | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 14/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | SLD | Phát hành cổ phiếu |
| 12/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | TN1 | Phát hành cổ phiếu |
| 16/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | SSB | Phát hành cổ phiếu |
| 16/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | FID | Niêm yết thêm |
| 16/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | DHC | Phát hành cổ phiếu |
| 19/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | PJT | Phát hành cổ phiếu |
| 19/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | PGV | Phát hành cổ phiếu |
| 20/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | APS | Phát hành cổ phiếu |
| 19/7/2021 | 23/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | HII | Phát hành cổ phiếu |
| 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | FUEVFNVD | Niêm yết thêm |
| 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | LSS | Giao dịch cổ phiếu quỹ |
| 19/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | HTH | Niêm yết mới |
| 12/4/2021 | 26/7/2021 | 26/4/2021 | 23/4/2021 | BAX | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 17/6/2021 | 26/7/2021 | 28/6/2021 | 25/6/2021 | PTI | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16/6/2021 | 26/7/2021 | 24/6/2021 | 23/6/2021 | HTR | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 21/6/2021 | 26/7/2021 | 25/6/2021 | 24/6/2021 | SFG | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7/7/2021 | 26/7/2021 | 15/7/2021 | 14/7/2021 | PMW | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7/7/2021 | 26/7/2021 | 15/7/2021 | 14/7/2021 | PMW | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 7/7/2021 | 26/7/2021 | 15/7/2021 | 14/7/2021 | TCW | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6/7/2021 | 26/7/2021 | 12/7/2021 | 9/7/2021 | MTB | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6/7/2021 | 26/7/2021 | 19/7/2021 | 16/7/2021 | PCE | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2/7/2021 | 26/7/2021 | 13/7/2021 | 12/7/2021 | X20 | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 29/6/2021 | 26/7/2021 | 5/7/2021 | 2/7/2021 | PJS | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 9/7/2021 | 26/7/2021 | 15/7/2021 | 14/7/2021 | MDF | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16/7/2021 | 26/7/2021 | 23/7/2021 | 23/7/2021 | ACB | Niêm yết thêm |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

TRỤ SỞ:

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

CHI NHÁNH TP.HCM

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
